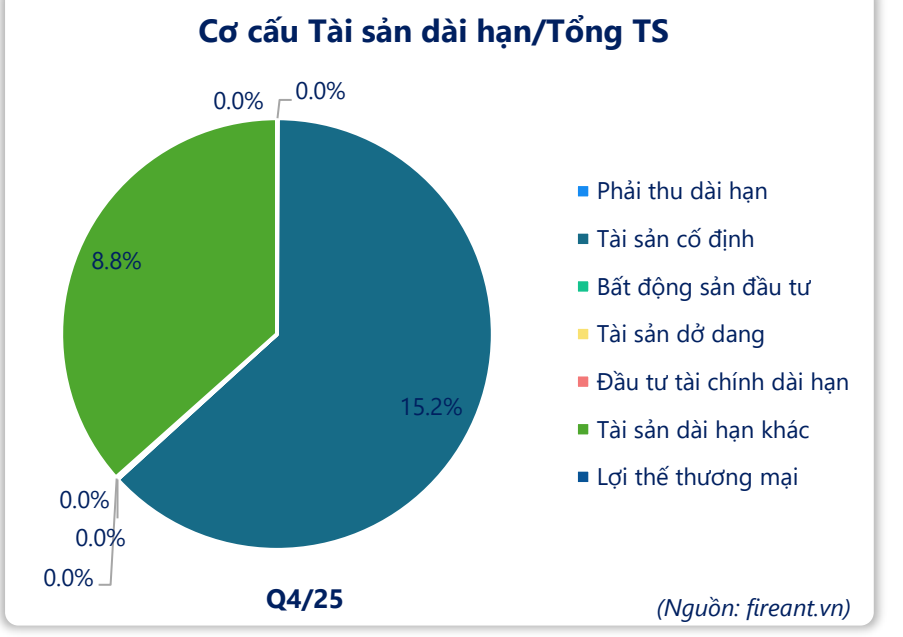
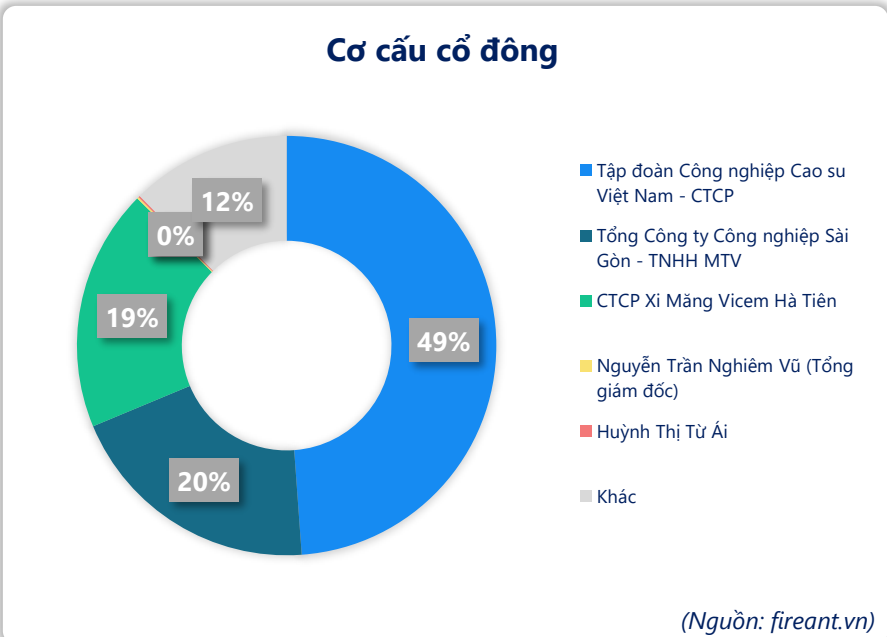
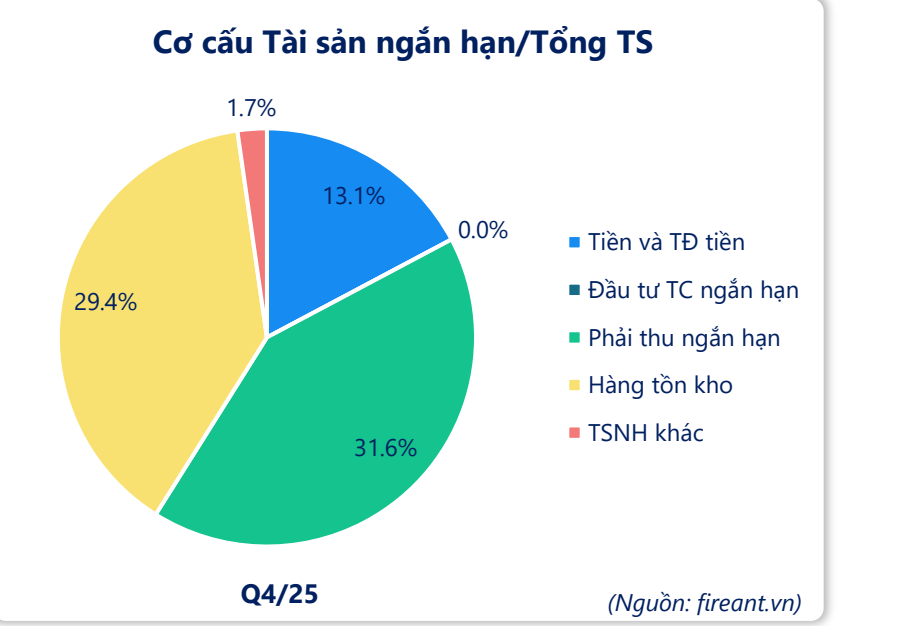
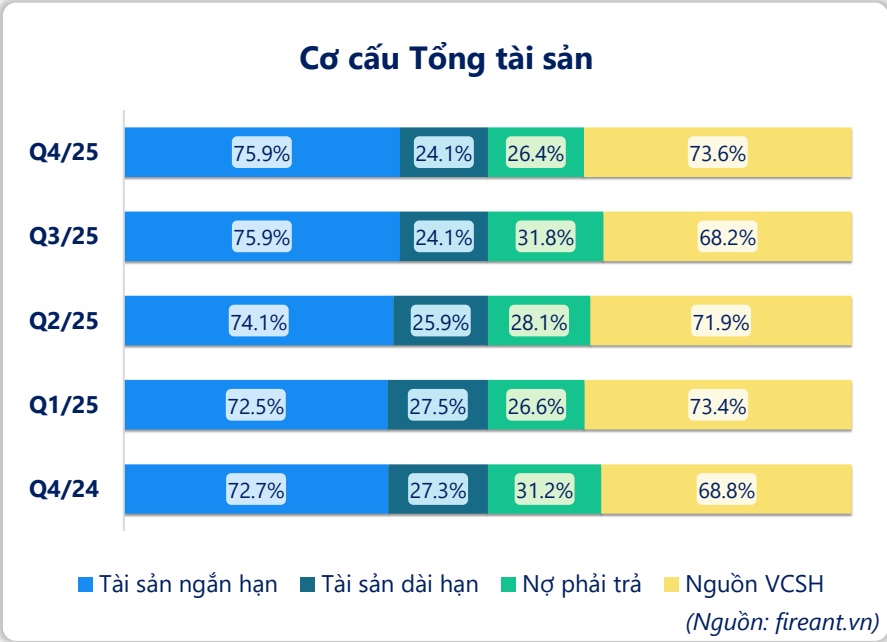
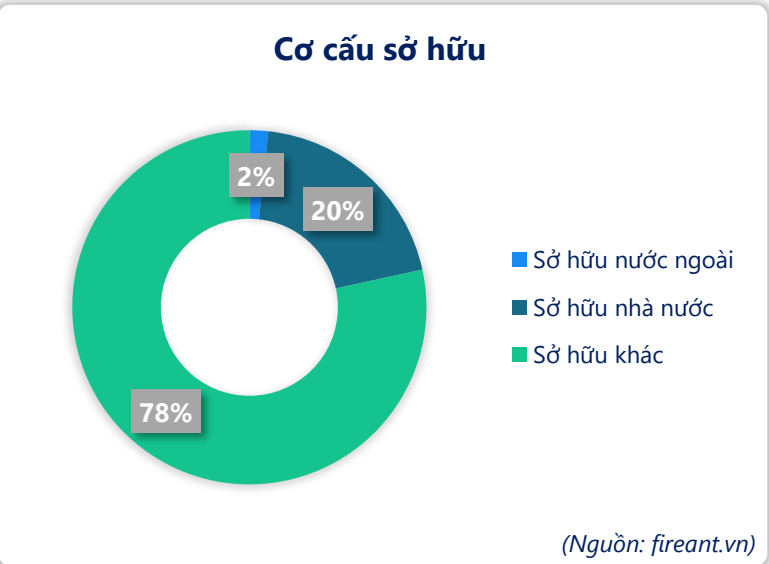
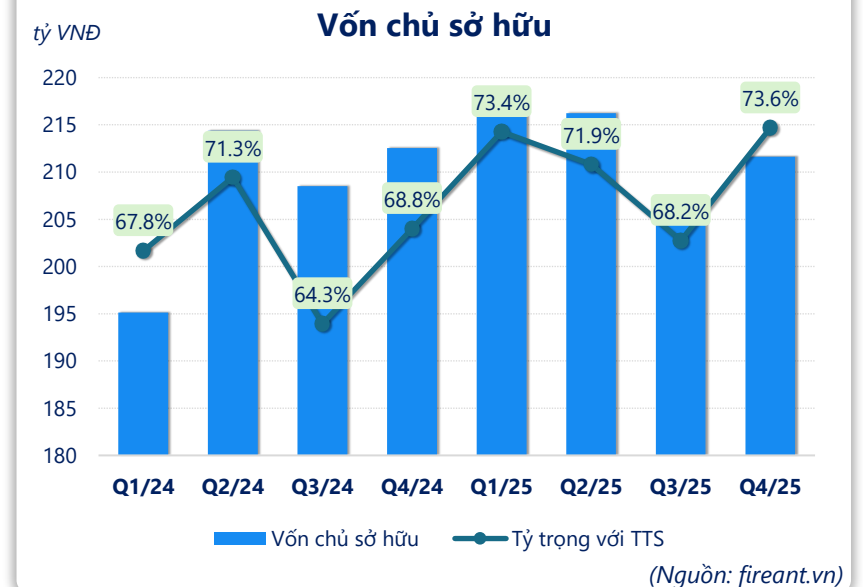
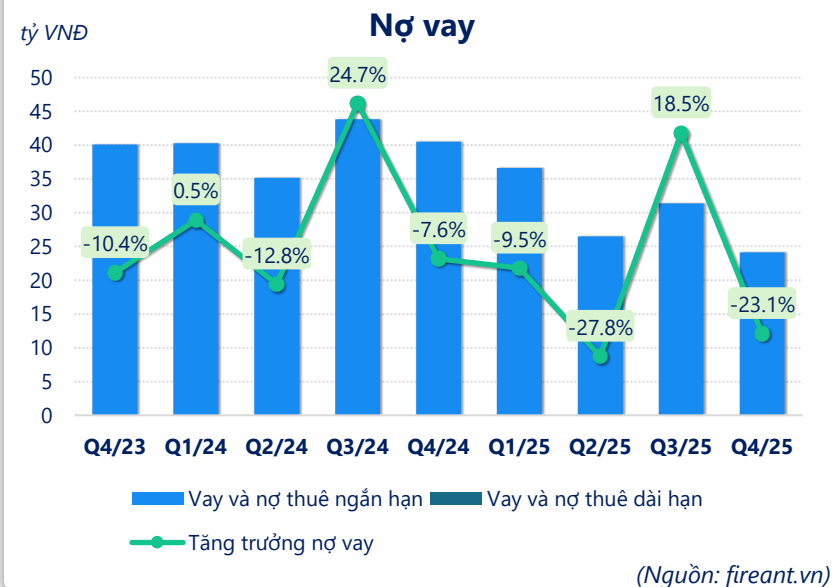
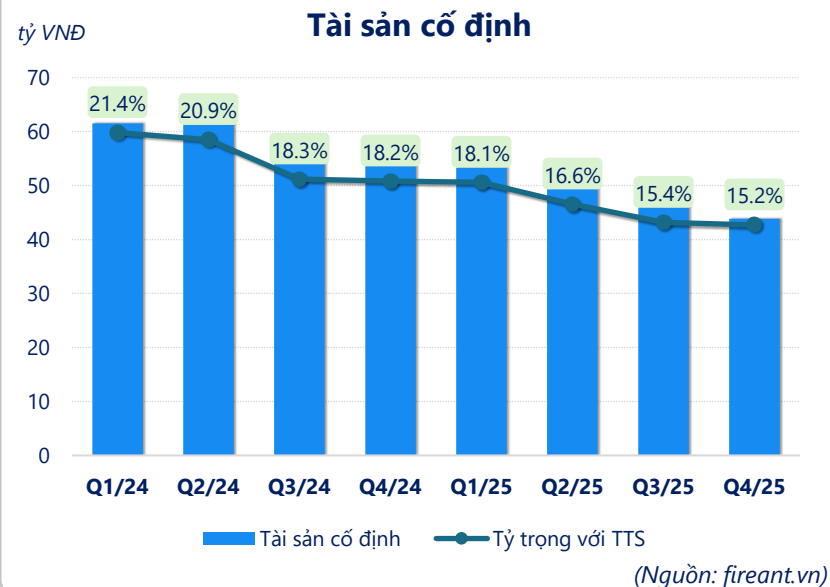
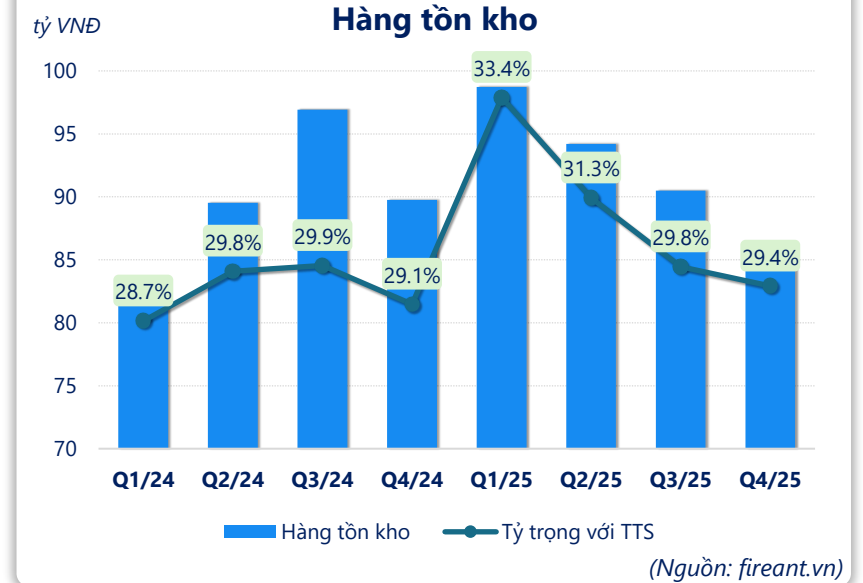
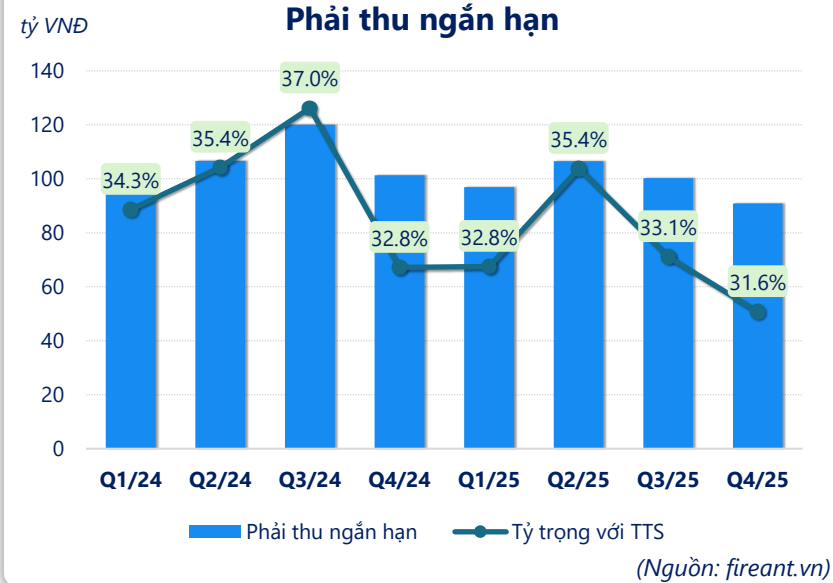
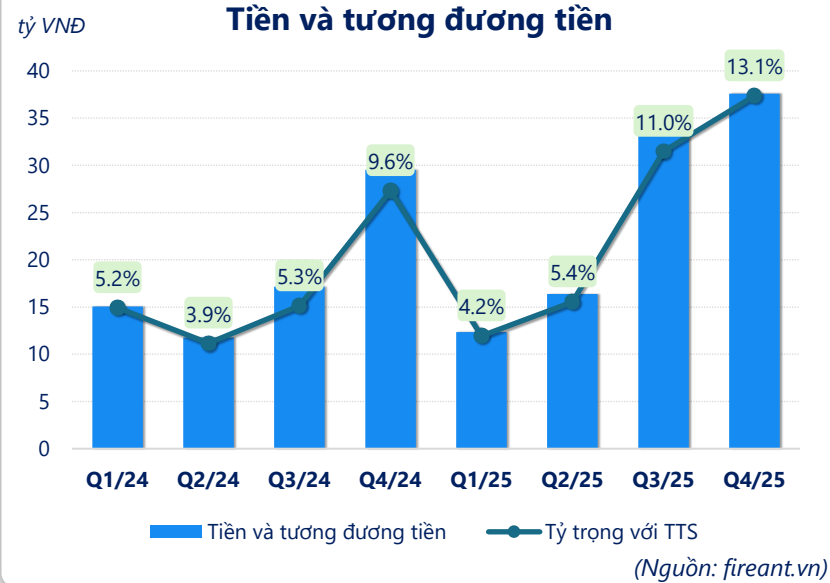
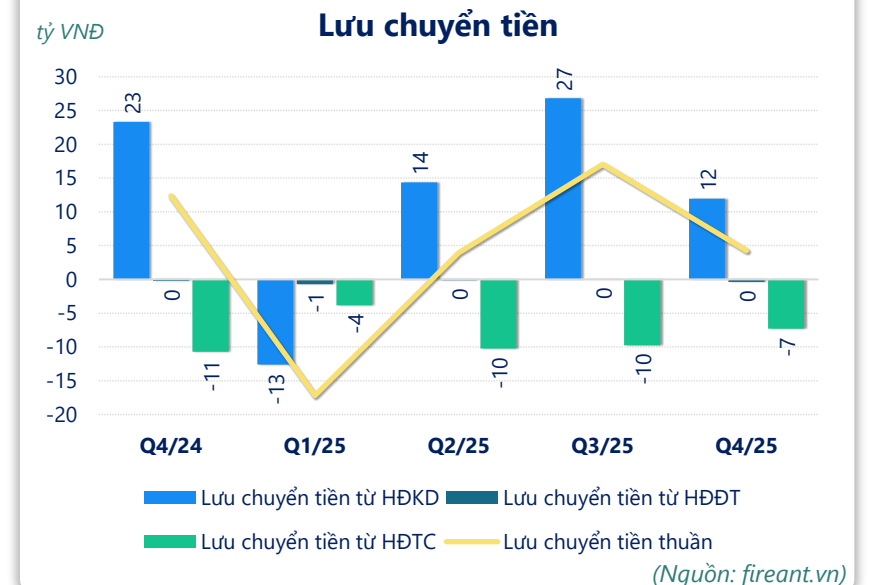
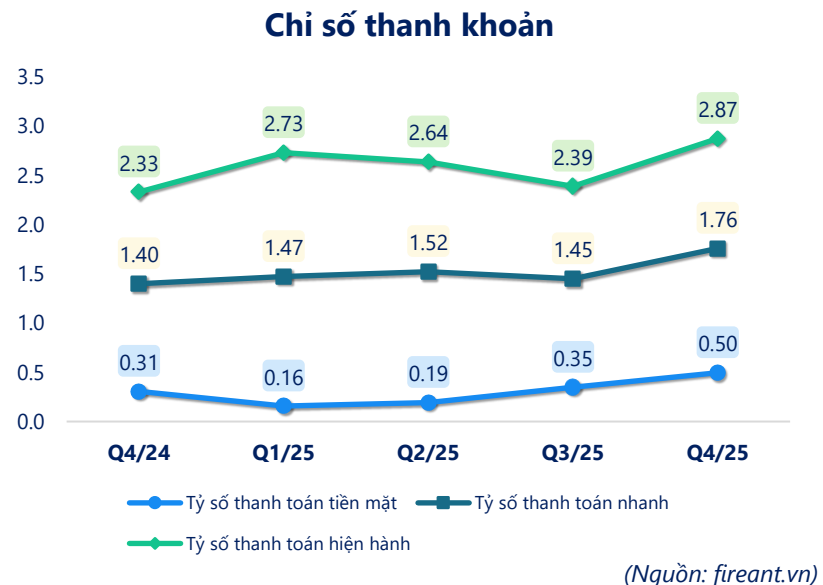
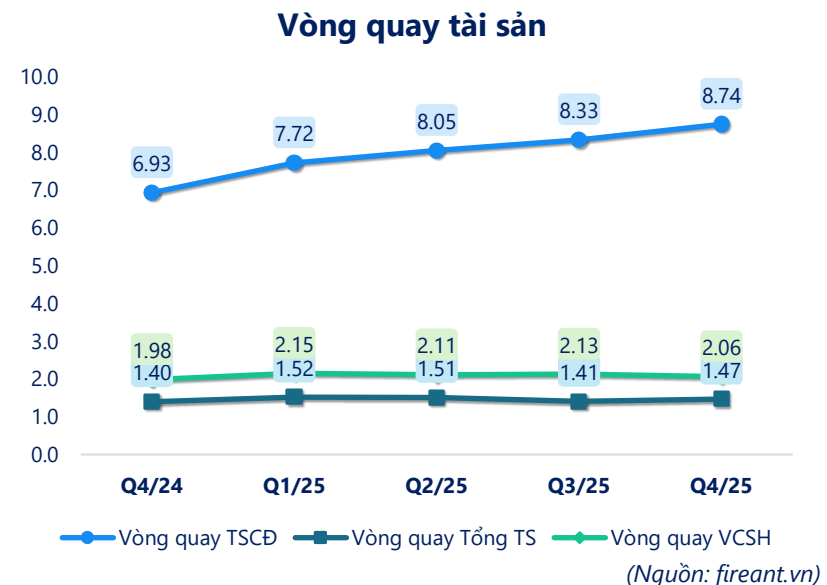
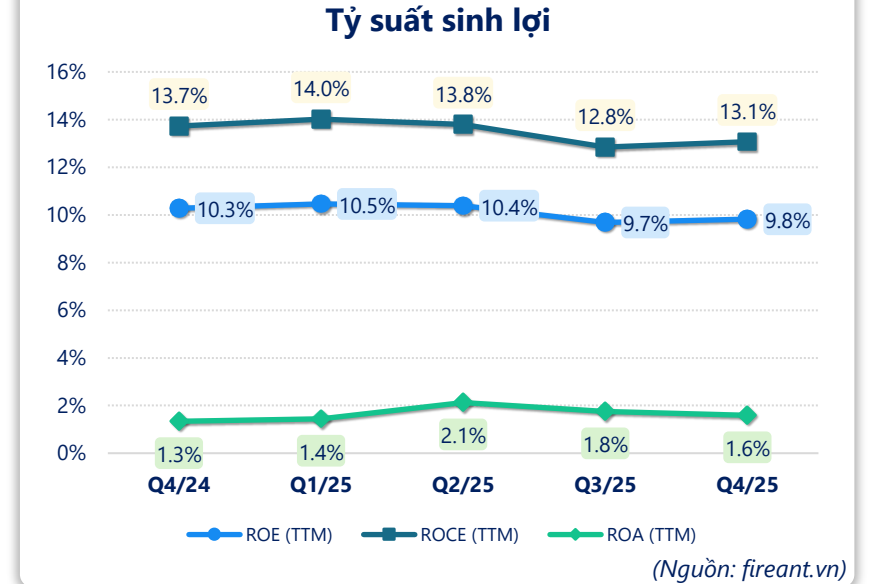
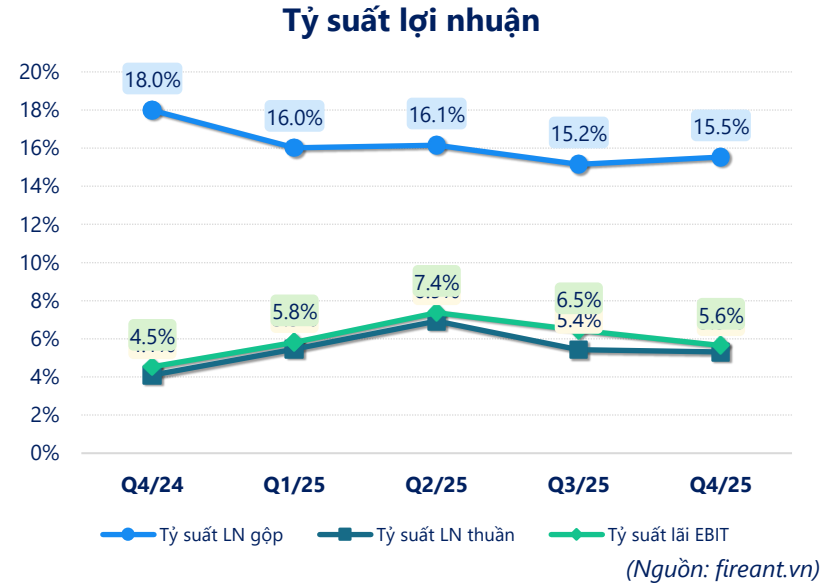
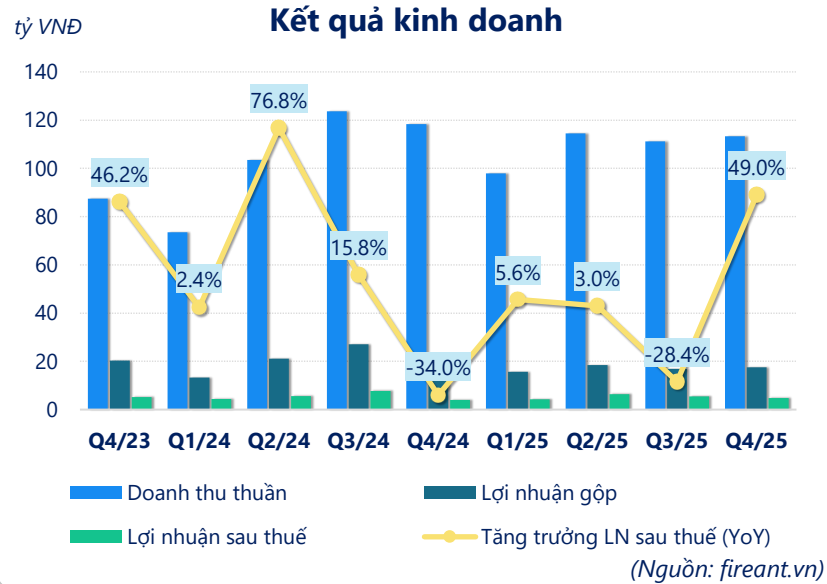


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,638
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,204
SL cổ phiếu LH		12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)		695
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		155
P/E		7.4
EPS		1,682

	YTD	1T	3T	6T
BRC	-5.8%	0.0%	-1.6%	-3.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	288	309	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	218	225	-2.9%
Tiền và tương đương tiền	37.6	29.5	27.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.33	-100%
Phải thu ngắn hạn	90.9	101	-10.1%
Hàng tồn kho	84.7	89.9	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.93	3.62	35.9%
Tài sản dài hạn	69.4	84.5	-17.8%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	43.8	56.1	-21.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.13	0.13	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.4	28.2	-10.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.9	96.5	-21.3%
Nợ ngắn hạn	75.9	96.5	-21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.1	40.5	-40.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.2	36.5	-20.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	212	213	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	212	213	-0.5%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	118	97.9	114	111	113
Giá vốn hàng bán	97.0	82.2	96.0	94.4	95.7
Lợi nhuận gộp	21.3	15.7	18.5	16.9	17.6
Doanh thu HĐTC	0.95	0.59	1.06	0.56	0.38
Chi phí TC	0.62	0.48	0.54	0.30	0.47
Chi phí lãi vay	0.53	0.35	0.54	0.30	0.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.6	7.03	9.60	8.83	8.40
Chi phí QLDN	4.19	3.42	1.47	2.24	3.08
LN thuần từ HĐKD	4.85	5.36	7.93	6.04	6.01
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	-0.04	0.85	-0.07
LN trước thuế	4.83	5.36	7.90	6.88	5.94
Lợi nhuận sau thuế	4.02	4.20	6.39	5.49	4.73
LNST của CĐ cty mẹ	4.02	4.20	6.39	5.49	4.73

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.3	-12.6	14.3	26.8	11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.22	-0.72	-0.15	-0.02	-0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.7	-3.85	-10.2	-9.74	-7.30
Tiền đầu kỳ	17.2	29.5	12.3	16.4	33.4
Lưu chuyển tiền thuần	12.4	-17.2	3.94	17.0	4.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.08	0	-0.06
Tiền cuối kỳ	29.5	12.3	16.4	33.4	37.6

(Nguồn: fireant.vn)